|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GDĐT QUẢNG NAMTRƯỜNG THPT TIỂU LA - THÁI PHIÊN NGUYỄN HIỀN - HÙNG VƯƠNG**ĐỀ CHÍNH THỨC** *(Đề thi có 04 trang)* | KỲ THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT - LẦN 2 NĂM HỌC: 2020 - 2021**Mã đề: 701****Bài thi: KHOA HỌC XÃ HỘI**Môn thi thành phần: **ĐỊA LÝ***Thời gian làm bài: 50 phút (không kể thời gian giao đề)***Mã đề: 701****Mã đề: 701** |

**Câu 41:** Thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở vùng ven biển nước ta?

**A.** Lũ quét. **B.** Sóng thần. **C.** Trượt đất. **D.** Cát bay.

**Câu 42:** Vùng nào có năng suất lúa cao nhất ở nước ta?

**A.** Đồng bằng Sông Cửu Long. **B.** Đồng bằng Sông Hồng.

**C.** Duyên hải Nam Trung Bộ. **D**. Bắc Trung Bộ.

**Câu 43:** Điều kiện nào sau đây thuận lợi để khai thác thủy sản ở nước ta?

**A**. Nhiều sông suối, kênh rạch, ao hồ. **B**. Có nhiều bãi triều, đầm phá.

**C**. Các ô trũng ở đồng bằng, rừng ngập mặn. **D**. Có các ngư trường trọng điểm.

**Câu 44:** Cơ cấu ngành công nghiệp nước ta bao gồm:

**A**. 3 nhóm, 29 ngành. **B**. 4 nhóm, 23 ngành. **C**. 3 nhóm, 23 ngành. **D**. 4 nhóm, 29 ngành.

**Câu 45:** Vùng đồi trước núi của Bắc Trung Bộ có thế mạnh về

**A.** chăn nuôi đại gia súc và trồng cây công nghiệp lâu năm.

**B.** trồng cây công nghiệp lâu năm và hàng năm.

**C.** trồng rừng bảo vệ môi trường sinh thái.

**D.** chăn nuôi đại gia súc và trồng cây lương thực, thực phẩm.

**Câu 46:** Đai cao cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ nước ta bị hạ thấp là do tác động của

**A**. độ cao địa hình. **B**. hướng các dãy núi. **C.** gió mùa Đông Bắc. **D**. gió mùa Tây Nam.

**Câu 47:** Ý nghĩa về mặt xã hội của việc phát triển cây công nghiệp nước ta là

**A.** cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. **B.** góp phần phân bố lại dân cư và lao động.

**C.** cung cấp các mặt hàng xuất khẩu. **D.** điều hòa khí hậu, bảo vệ môi trường.

**Câu 48:** Phát biểu nào sau đây **không đúng** về giao thông vận tải đường bộ nước ta hiện nay?

**A.** Mạng lưới và loại đường phát triển khá toàn diện.

**B.** Mạng lưới đường cơ bản đã phủ kín đến các vùng.

**C.** Ngày càng phát triển gắn với công nghiệp dầu khí.

**D.** Đã hội nhập vào hệ thống đường bộ trong khu vực.

**Câu 49:** Phát biểu nào sau đây **không đúng** với đặc điểm lao động nước ta?

**A.** Nguồn lao động dồi dào và tăng nhanh. **B.** Đội ngũ công nhân kĩ thuật lành nghề còn hạn chế.

**C.** Chất lượng lao động ngày càng được tăng lên. **D.** Lực lượng lao động có trình độ cao đông đảo. **Câu 50:** Nguyên liệu, tư liệu sản xuất chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu hàng nhập khẩu của nước ta chủ yếu do

**A.** chính sách đẩy mạnh sản xuất và xuất khẩu. **B.** giá dầu thô trên thế giới gần đây tăng nhanh.

**C.** phát triển nhanh các đô thị và khu công nghiệp. **D.** nước ta chưa sản xuất được một số nguyên liệu.

**Câu 51:** Ý nào sau đây ***không phải*** là ý nghĩa của việc đẩy mạnh đánh bắt xa bờ ở vùng duyên hải Nam Trung Bộ?

**A.** Mang lại hiệu quả cao về kinh tế - xã hội. **B.** Bảo vệ tài nguyên sinh vật.

**C.** Khẳng định chủ quyền biển đảo của nước ta. **D.** Thúc đẩy nhanh ngành vận tải biển phát triển.

**Câu 52:** Tác động lớn nhất của quá trình đô thị hóa tới nền kinh tế nước ta là

**A.** tạo việc làm cho người lao động. **B.** thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**C.** tăng thu nhập cho người dân. **D.** tạo ra thị trường có sức mua lớn.

**Câu 53:** Điều kiện cơ bản để hình thành các điểm du lịch biển - đảo ở nước ta là

**A.** tài nguyên du lịch. **B.** nhu cầu của du khách. **C.** chính sách phát triển. **D.** cơ sở vật chất kĩ thuật.

**Câu 54:** Nguyên nhân chủ yếu làm cho hoạt động khai thác xa bờ ở nước ta ngày càng phát triển là do

**A.** nguồn lợi sinh vật biển ngày càng phong phú. **B.** tàu thuyền và ngư cụ ngày càng phát triển hơn.

**C.** cơ sở chế biến thủy sản ngày càng phát triển. **D.** lao động có kinh nghiệm ngày càng đông.

**Câu 55:** Các cơ sở chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa tập trung ở các đô thị lớn vì

**A.** có lực lượng lao động dồi dào và thị trường tiêu thụ rộng lớn.

**B.** gần nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ.

**C.** có thị trường tiêu thụ lớn và đảm bảo kĩ thuật.

**D.** có lực lượng lao động dồi dào và gần nguồn nguyên liệu.

**Câu 56:** Nhân tố tự nhiên được coi là quan trọng nhất để vùng Tây Nguyên phát triển cây cà phê là

**A.** địa hình có nhiều cao nguyên rộng lớn. **B.** có hệ thống sông lớn cung cấp nước tưới.

**C.** khí hậu cận xích đạo nóng quanh năm. **D.** đất ba dan màu mỡ, khí hậu cận xích đạo.

**Câu 57:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết điểm cực Nam của nước ta thuộc tỉnh nào?

**A.** Điện Biên. **B.** Cà Mau. **C.** Cao Bằng. **D.** Lào Cai.

**Câu 58:** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, ở nước ta nhiệt độ trung bình tháng I thay đổi như thế nào khi đi từ Bắc vào Nam?

**A.** Nhiệt độ giảm nhanh từ Bắc vào Nam. **B.** Nhiệt độ tăng dần từ Bắc vào Nam.

**C.** Không có biến động. **D.** Nhiệt độ ổn định từ Bắc vào Nam.

**Câu 59:** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, hệ thống sông nào có lưu vực lớn nhất?

**A.** Sông Hồng. **B.** Sông Đồng Nai. **C.** Sông Cửu Long. **D.** Sông Thái Bình.

**Câu 60:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 11, cho biết đất mặn và đất phèn tập trung phân bố chủ yếu ở đâu?

**A.** Trung du và miền núi Bắc Bộ. **B.** Đồng bằng Sông Hồng.

**C.** Đồng bằng Sông Cửu Long. **D.** Duyên hải Nam Trung Bộ.

**Câu 61:** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 12, vườn quốc gia nào nằm trong vùng Bắc Trung Bộ?

**A.** Cúc Phương. **B.** Bạch Mã. **C.** Yok Đôn. **D.** Cát Bà.

**Câu 62:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết khu kinh tế ven biển Hòn La thuộc vùng kinh tế nào sau đây?

**A.** Tây Nguyên. **B.** Duyên hải Nam Trung Bộ. **C.** Đông Nam Bộ. **D.** Bắc Trung Bộ.

**Câu 63:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, hãy cho biết tỉnh nào có số lượng trâu lớn nhất?

**A.** Nghệ An. **B**. Lào Cai. **C.** Quảng Nam. **D.** Điện Biên.

**Câu 64:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, hãy cho biết tỉnh nào có diện tích trồng lúa lớn nhất?

**A.** Thái Bình. **B**. Kiên Giang. **C.** Thanh Hóa. **D.** Sóc Trăng.

**Câu 65:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, trung tâm công nghiệp Hải Phòng có giá trị sản xuất công nghiệp là

**A.** dưới 9 nghìn tỉ đồng. **B.** từ 9-40 nghìn tỉ đồng.

**C.** từ trên 40-120 nghìn tỉ đồng. **D.** trên 120 nghìn tỉ đồng.

**Câu 66:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết các nhà máy nhiệt điện nào sau đây có công suất trên 1000MW?

**A.** Phả Lại, Phú Mỹ. **B.** Bà Rịa, Thủ Đức. **C.** Phả Lại, Trà Nóc. **D**. Phú Mỹ, Trà Nóc.

**Câu 67:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết tuyến đường biển ven bờ nào quan trọng nhất ở nước ta?

**A.** Hải Phòng-Thành Phố Hồ Chí Minh. **B.** Hải Phòng-Vinh.

**C.** Vinh-Đà Nẵng. **D.** Hải Phòng-Đà Nẵng.

**Câu 68:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 24, hãy cho biết nhóm hàng nào có giá trị nhập khẩu chiếm tỉ trọng cao nhất nước ta?

**A.** Nguyên, nhiên, vật liệu. **B.** Máy móc, thiết bị, phụ tùng. **C.** Hàng tiêu dùng. **D.** Thủy sản.

**Câu 69:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 23, hãy cho biết cửa khẩu Móng Cái thuộc tỉnh nào?

A. Quảng Bình. B. Quảng Nam. C. Quảng Ninh. D. Thanh Hóa. **Câu 70:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 28, hãy cho biết cao nguyên nào sau đây **không** thuộc vùng Tây Nguyên?

**A.** Đăk Lăk. **B.** Mơ Nông. **C.** Lâm Viên. **D.** Mộc Châu.

**Câu 71:** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 12, ở vùng Tây Nguyên có thảm thực vật chủ yếu là?

**A.** Thảm thực vật nông nghiệp. **B.** Rừng thưa.

**C.** Rừng kín thường xanh. **D.** Rừng tre nứa.

**Câu 72:** Nhiệm vụ quan trọng nhất trong việc hướng tới mục tiêu phát triển công nghiệp một cách bền vững ở Đông Nam Bộ là

**A.** hình thành thêm nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất mới.

**B.** tăng cường đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng.

**C.** bảo vệ môi trường đi đôi với phát triển công nghiệp theo chiều sâu.

**D.** phát triển mạnh công nghiệp khai thác dầu khí.

**Câu 73:** Cho biểu đồ về xuất, nhập khẩu của một số quốc gia, giai đoạn 2010 - 2015**.**

*(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)*

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh giá trị xuất, nhập khẩu của một số quốc gia năm 2015 so với năm 2010?

**A.** Việt Nam tăng chậm hơn Ma-lai-xi-a. **B.** Xin-ga-po tăng nhiều hơn Việt Nam.

**C.** Việt Nam tăng nhanh hơn Xin-ga-po. **D.** Xin-ga-po tăng chậm hơn Ma-lai-xi-a.

**Câu 74:** Chăn nuôi bò sữa ở Trung du và miền núi Bắc Bộ gần đây được phát triển chủ yếu do

**A.** nguồn thức ăn được đảm bảo, cơ sở hạ tầng cải thiện.

**B.** nguồn thức ăn được đảm bảo, nhu cầu thị trường tăng.

**C.** nhu cầu thị trường tăng, nhiều giống mới năng suất cao.

**D.** nhiều giống mới năng suất cao, cơ sở hạ tầng phát triển.

**Câu 75:** Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ VÀ DIỆN TÍCH CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA, NĂM 2017

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên nước** | **In-đô-nê-xi-a** | **Thái Lan** | **Phi-lip-pin** | **Ma-lai-xi-a** |
| Số dân (triệu người) | 264,0 | 66,1 | 105,0 | 31,6 |
| Diện tích (nghìn km2) | 1 860,4 | 513,1 | 300,0 | 330,8 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê 2017, NXB thống kê 2018)*

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số của một số quốc gia, năm 2017?

**A.** In-đô-nê-xi-a cao hơn Ma-lai-xi-a. **B.** Thái Lan cao hơn Phi-lip-pin.

**C.** In-đô-nê-xi-a cao nhất. **D.** Ma-lai-xi-a cao hơn Thái Lan.

**Câu 76:** Chế độ mưa trên các vùng lãnh thổ nước ta có sự phân hóa phức tạp theo không gian, thời gian chủ yếu do

**A.** Tín phong bán cầu Bắc, hoạt động của gió mùa, vị trí địa lí và địa hình.

**B.** gió mùa Tây Nam, gió Tây Nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến, vị trí địa lí.

**C.** gió mùa Đông Bắc, Tín phong bán cầu Bắc, vị trí địa lí và địa hình núi.

**D.** gió Tây Nam thổi vào mùa hạ, vị trí địa lí, độ cao và hướng các dãy núi.

**Câu 77:** Cho biểu đồ sau

TÌNH HÌNH DÂN SỐ NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1990-2010.



Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

**A.** Tốc độ gia tăng dân số thành thị và tỉ lệ dân thành thị nước ta từ năm 1990 đến 2010.

**B.** Số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị của nước ta giai đoạn 1990-2010.

**C.** Sự chuyển dịch cơ cấu dân số thành thị và tỉ lệ dân thành thị của nước ta giai đoạn 1990-2010.

**D.** Quy mô và cơ cấu dân số thành thị và tỉ lệ dân thành thị nước ta giai đoạn 1990-2010.

**Câu 78:** Cho bảng số liệu

SỐ KHÁCH QUỐC TẾ ĐẾN VIỆT NAM PHÂN THEO MỘT SỐ QUỐC TỊCH GIAI ĐOẠN 2010-2018.

*(Đơn vị: Nghìn lượt người)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2016** | **2017** | **2018** |
| **Ca-na-đa** | 102,2 | 105,7 | 122,9 | 138,2 | 149,5 |
| **Hàn Quốc** | 495,9 | 1.113,0 | 1.543,9 | 2.415,2 | 3.485,4 |
| **Nhật Bản** | 442,1 | 671,4 | 740,6 | 798,1 | 826,7 |
| **Thái Lan** | 222,8 | 214,6 | 267,0 | 301,6 | 349,3 |
| **Xin-ga-po** | 170,7 | 236,5 | 257,0 | 277,7 | 286,2 |

*(Nguồn: Tổng cục thống kê Việt Nam)* Để thể hiện tình hình số khách quốc tế đến nước ta phân theo một số quốc tịch năm 2018, dạng biểu đồ nào thích hợp nhất?

**A.** Biểu đồ tròn. **B.** Biểu đồ cột. **C.** Biểu đồ đường. **D.** Biểu đồ kết hợp.

**Câu 79:** Tại sao trong định hướng phát triển kinh tế ở Đồng bằng sông Hồng lại chú trọng đến việc hình thành và phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm?

**A.** Để khai thác hợp lí nguồn tài nguyên và lao động dồi dào.

**B.** Để sử dụng có hiệu quả thế mạnh về tự nhiên và con người.

**C.** Để thu hút triệt để nguồn vốn đầu tư nước ngoài và lao động có trình độ cao.

**D.** Để sử dụng hiệu quả về lao động và cơ sở vật chất kĩ thuật.

**Câu 80:** Cây ăn quả ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay phát triển theo hướng tập trung do tác động chủ yếu của

**A.** chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp, phát triển các sản phẩm giá trị.

**B.** đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp, tích cực mở rộng thị trường.

**C.** sản xuất theo hướng thâm canh, khai thác hiệu quả các thế mạnh.

**D.** ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, giải quyết việc làm tại chỗ.

### ---------------HẾT-----------------

***( Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lý Việt Nam)***

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 41 | D | 46 | C | 51 | D | 56 | D | 61 | B | 66 | A | 71 | B | 76 | A |
| 42 | B | 47 | B | 52 | B | 57 | B | 62 | D | 67 | A | 72 | C | 77 | B |
| 43 | D | 48 | C | 53 | A | 58 | B | 63 | A | 68 | A | 73 | C | 78 | B |
| 44 | A | 49 | D | 54 | B | 59 | A | 64 | B | 69 | C | 74 | A | 79 | B |
| 45 | A | 50 | A | 55 | B | 60 | C | 65 | C | 70 | D | 75 | A | 80 | A |